

KINH NHIẾP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT  
THẦN BIẾN GIA TRÌ ĐẠI BI THAI TẠNG CHUYỂN TỰ LUÂN  
THÀNH TAM MIỆU TAM PHẬT ĐÀ  
NHẬP BÁT BÍ MẬT LỤC NGUYỆT THÀNH TỰU NGHI QUỶ  
\_QUYỀN THỨ BA\_

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện, Tam Tạng của nước Trung Thiên Trúc  
THÂU BA CA LA (Śubhakarā-siṃha: Thiện Vô Úy) phụng chiếu dịch.

Đệ tử được truyền là NHẤT HẠNH cầm bút ghi, trao cho Tỳ Kheo BẢO  
NGUYỆT dịch ra chữ âm.

Sưu tập Thủ An, phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

Bấy giờ Bà Nga Noan

Tỳ Lô Giá Na Phật (Bhagavate vairocana-buddha)

Bảo Trì Kim Cương Thủ

“Phật tử! Chí Tâm nghe

Chủng tử Mạn Trà La

Trước quán A Tụ Môn (𑖀)

Chuyển sinh nơi chữ Phộc (𑖑 - VA)

Cho đến tất cả chữ

Mà thành Mạn Trà La (Maṇḍala)

Ấn Khế Mạn Trà La

Chuyển đây thành Tiêu Xí

Tướng khác, rộng như Kinh

Mão báu, nâng tay Ấn

Trụ ở nơi Tụ Môn

Sự nghiệp mau thành tựu

178. “Năng mặc tam mãn đa một đà nam. A

Năng mặc tam mãn đa một đà nam. Sa

Năng mặc tam mãn đa phộc nhật-la noãn. Phộc

Ca khư nga già

Tả sai nhạ toán

Tra xá noa trà

Đá tha ná đà

Bả phả ma bà

Dã La La phộc

Xả sái sa hạ. Khất-xoa”

𑖀𑖑: 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑

𑖀𑖑: 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑

𑖀𑖑: 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑 𑖀𑖑

𑖀𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑

𑖀𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑

𑖀𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑

𑖀𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑

𑖀𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑𑖑

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ A

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SA  
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM VA  
KA KHA GA GHA CA CCHA JA JHA  
ṬA ṬHA ḌA ḌHA TA THA DA DHA  
PA PHA BA BHA YA RA LA VA  
ŚA ŚA SA HA KṢA

\_ Quy Mệnh giống trước

179. “A, Sa, Phộc

Ca khur nga già

Tả sai nhạ toản

Tra xá noa trà

Đá tha ná đà

Bả phả ma bà

Dã La La phộc

Xả sái sa hạ – Khát-xoa”

ॐ: स्रम्रं वृक्षं ॐ ॐ

ॐ: स्रम्रं वृक्षं ॐ ॐ

ॐ: स्रम्रं वृक्षं ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM Ā

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM SĀ

NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM VĀ

KĀ KHĀ GĀ GHĀ CĀ CCHĀ JĀ JHĀ

ṬĀ ṬHĀ ḌĀ ḌHĀ TĀ THĀ DĀ DHĀ

PĀ PHĀ BĀ BHĀ YĀ RĀ LĀ VĀ

ŚĀ ŚĀ SĀ HĀ KṢĀ

\_ Quy Mệnh giống trước

180. “Ám . Tảm. Noan

Kiểm khiếm nghiêm cám

Chiêm xiêm nhiễm tiêm

Khiếm nam nam trạm

Đam tham đạm đạm

Bố-hàm, phổ-hàm, mộ-hàm, bổ-hàm

Diễm,Lãm ,Lam, noan

Thiêm, tham sam hàm. Ngật-sam”

ॐ: स्रम्रं वृक्षं ॐ ॐ

ॐ: स्रम्रं वृक्षं ॐ ॐ

ॐ: स्रम्रं वृक्षं ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ  
ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AM  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SAM  
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ VAM  
KAḤ KHAḤ GAḤ GHAḤ\_ CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ  
ṬAḤ ṬHAḤ ḌAḤ ḌHAḤ\_ TAḤ THAḤ DAḤ DHAḤ  
PAḤ PHAḤ BAḤ BHAḤ\_ YAḤ RAḤ LAḤ VAM  
ŚAḤ ṢAḤ SAḤ HAḤ\_ KṢAḤ

\_ Quy Mệnh giống trước

**181. “Ác, Sách, Phộc**

**Cước khước ngược già**

**Tác thác nhược tạc**

**Tri giác nặc nặc**

**Đát thác nhược thược**

**Bác bạc mạc bạc**

**Dược lạc lạc phộc**

**Xước sách sách hoắc. Ngật-sách**

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AḤ  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SAḤ  
NAMAḤ SAMANTA-VAJRAṆĀM\_ VAḤ  
KAḤ KHAḤ GAḤ GHAḤ\_ CAḤ CCHAḤ JAḤ JHAḤ  
ṬAḤ ṬHAḤ ḌAḤ ḌHAḤ\_ TAḤ THAḤ DAḤ DHAḤ  
PAḤ PHAḤ BAḤ BHAḤ\_ YAḤ RAḤ LAḤ VAḤ  
ŚAḤ ṢAḤ SAḤ HAḤ\_ KṢAḤ

**182. “Y ái ố ô**

**lị lý lý lý**

**ê ái ô áo”**

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ

↳ I Ī U Ū

R Ṛ L Ḍ

E AI O AU

**183. “Ngưỡng nương noa nãng mãng (Phát Hạnh Chân Ngôn)**

**Ngang nương ninh nãng mang (Bồ Khuyết Chân Ngôn)**

**Hàm nhiệm nam nam noan** (Niết Bàn Chân Ngôn)

**Nhược ngược nạch nặc mặc**

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌

𑖀𑖄𑖆𑖇𑖉𑖊𑖋𑖌

𑖀𑖄 NÀ NĀ NA NA MA

NĀ NĀ NĀ NĀ MĀ

NAM NĀM NAM NAM MAM

NAH NĀH NAH NAH MAH

\_ Bí Mật Chủ nên biết

Từ **CA TỰ LUÂN** (𑖀𑖄 : KA) đầu

Chuyển sinh mười hai chuyển

Cho đến chữ **Khất-xoa** (𑖀𑖄𑖆 : KṢA)

Đều thành Thê Pháp Giới

**Đạo Tam Muội** (Samādhi-mārga) nhóm này

Hoặc trụ Phật Thế Tôn

Bồ Tát, Đấng Cứu thế

Duyên Giác, Thanh Văn nói

Tội hại nơi lỗi lầm

Hoặc chư Thiên, người đời

Đạo Pháp Giáo Chân Ngôn

Như vậy, người Cần Dũng

Vì lợi ích chúng sinh

Chân Ngôn **Đẳng Chính Giác**

Ngôn Danh thành lập Tướng

Như **Nhân Đà La Tông**

Các nghĩa lợi thành tựu

Có tăng thêm **Pháp Cú** (Dharma-pāda)

Tương ứng **Bản Danh Hạnh**

\_ Hoặc chữ **Án** (𑖀𑖄𑖆 – OM) chữ **Hồng** (𑖀𑖄𑖆 – HŪM)

Cùng với **Phát Trách Ca** (Paṭaka: phan, phướng)

Hoặc nhóm **Hiệt Lị** (HRĪḤ: Thanh tịnh), **bế** (VIḤ: Tối Thắng)

Là danh hiệu **Phật Đỉnh** (Buddhoṣṇīṣa)

\_ Hoặc **Yết Lật Hận Noa** (Gṛhṇa: chấp thủ)

**Khư đà gia** (Khādaya: Ăn nuốt), **Bạn Xà** (Bhaṃja: phá hoại)

Đẳng loại **Bát Tra dã** (Paṭāya: chia rẽ, vụn bẻ)

Là **Phụng Giáo Sứ Giả** (Parivara)

Các Chân Ngôn Phần Nộ

\_ Nếu có chữ **Nạp ma** (Namaḥ: Quy kính)

Với chữ **Sa phộc ha** (Svāhā: Nhiếp thụ)

Là tu **Tam Ma Địa** (Samādhi)

\_ Nếu có chữ **Phiến đà** (Śānta: Tịch tĩnh)

Nhóm chữ **Vĩ Thú Đà** (Viśuddha: Thanh Tịnh)

Nên biết hay mãi túc

Tất cả sự mong cầu

\_ Đây Chính Giác Phật Tử!

Chân ngôn Đấng Cứu Thế  
Hoặc Thanh Văn đã nói  
Mỗi mỗi câu an bày  
Trong đó Bích Chi Phật  
Lại có chút sai khác  
Là Tam Muội chia khác  
Tĩnh trừ nơi nghiệp sinh

\_ Lại nữa, Bí Mật Chủ! Như Lai ở trong vô lượng trăm ngàn Câu Chi Na Dữu Đa kiếp gom chứa tu hành: Chân Thật Đế Ngữ, 4 Thánh Đế, 4 Niệm Xứ, 4 Thần Túc, 10 lực Như Lai, 6 Ba La mật, 7 Báu Bồ Đề, 4 Phạm Trú, 18 Pháp Bất Cộng của Phật.

Lấy chỗ tinh yếu mà nói từ sức **Nguyện Trí**, sức **Gia Trì của tất cả Pháp Giới** tùy thuận chúng sinh như chủng loại của nó mà mở bày Giáo Pháp Chân ngôn là:

(𑖀\_A) **A TỰ MÔN** là tất cả các Pháp vốn chẳng sinh

(𑖁\_KA) **CA TỰ MÔN** là tất cả các Pháp lia tác nghiệp

(𑖂\_KHA) **KHU TỰ MÔN** là tất cả Pháp đấng Hư Không (ngang bằng với Hư không) chẳng thể được (bất khả đắc).

(𑖃\_GA) **NGA TỰ MÔN** là tất cả các **Pháp Hành** chẳng thể được

(𑖄\_GHA) **GIÀ TỰ MÔN** là **Tướng Nhất Hợ** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖅\_CA) **GIÁ TỰ MÔN** là tất cả các Pháp lia tất cả sự biến đổi (Thiên biến)

(𑖆\_CHA) **XA TỰ MÔN** là **ảnh tượng** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖇\_JA) **NHẠ TỰ MÔN** là **Sự sinh** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖈\_JHA) **XẢ TỰ MÔN** là **Sự chiến dịch** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖉\_TA) **TRA TỰ MÔN** là **Sự kiều mạn** (Mạn) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖊\_THA) **XÁ TỰ MÔN** là **Sự trưởng dưỡng** (nuôi lớn) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖋\_DA) **NOA TỰ MÔN** là **Sự oán đối** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖌\_DHA) **TRÀ TỰ MÔN** là **Sự chấp trì** (cầm giữ) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖍\_TA) **ĐA TỰ MÔN** là **Tính Như Như** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖎\_THA) **THA TỰ MÔN** là **Trụ xứ** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖏\_DA) **NÁ TỰ MÔN** là **Sự Thí** (đem cho) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖐\_DHA) **ĐÀ TỰ MÔN** là **Pháp Giới** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖑\_PA) **BA TỰ MÔN** là **Đệ nhất nghĩa đế** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖒\_PHA) **PHẢ TỰ MÔN** là tất cả các Pháp chẳng bền vững như bọt tụ.

(𑖓\_BA) **MA TỰ MÔN** là **Sự ràng buộc** (phộc) của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖔\_BHA) **BÀ TỰ MÔN** là **Sự có** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖕\_YA) **DÃ TỰ MÔN** là **tất cả Thừa** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖖\_RA) **LA TỰ MÔN** là tất cả các Pháp lia tất cả các bụi bặm.

(𑖗\_LA) **LA TỰ MÔN** là **tất cả Tướng** của tất cả các Pháp chẳng thể được.

(𑖘\_VA) **PHỘC TỰ MÔN** là **Cắt đứt đường ngôn ngữ** của tất cả các Pháp.

- (१९\_ŚA) **XẢ TỰ MÔN** là Bản Tính tất cả Pháp vốn vắng lặng.
- (२०\_ŚA) **SA TỰ MÔN** là Tính của tất cả các Pháp giống như ngu độn.
- (२१\_ŚA) **SA TỰ MÔN** là **tất cả ĐỂ** của tất cả các Pháp chẳng thể được.
- (२२\_HA) **HA TỰ MÔN** là **Nhân** của tất cả các Pháp chẳng thể được.
- (२३\_KŚA) **KHẮT-XOA TỰ MÔN** là tất cả các Pháp không có cùng tận.

\_ Nhóm câu: (२४\_ÑA) **Ngưỡng**, (२५\_ÑA) **Nha**, (२६\_ÑA) **Noa**, (२७\_ÑA) **Na**, (२८\_MA) **Ma**, đối với tất cả Tam Muội Tự Tại, mau hay thành biện các sự nghiệp nghĩa lợi, được đủ 10 Hiệu của Như Lai, như **Đại Nhật Tôn** mà chuyển bánh xe Pháp, vào tướng phạm loại, thường soi chiếu Thế Gian.

\_ **Thập Hiệu Cụ Túc Già Đà** là:

**184. Tát phộc đát tha nghiệt đố (1) La hạ đế (2) Tam miệu Tam mầu đà (3) Vĩ nễ-dã tả la noa tam ba năng (4) Tô nga đố lộ ca vĩ (5) A noa đát-la bồ lồ sái ná nhĩ dã (6) Sa la thể xá sa đa (7) Nhĩ phộc nan nhạ ma nỗ sử dã nam nhạ (8) Mầu đà (9) Bà nga noan (10)**

सर्वत्रयप्रतिषेधं सम्यक्संबुद्धं विद्वान्निर्मलं संपन्नं सुगतं  
 अविद्याकारणसंपन्ना सुगता लोकादिअनुत्तरा पुरुषादाम्यासारथी  
 शास्त्रादेवामनुष्यानम बुद्धा भगवाम्

↳ SARVA TATHĀGATA – ARHATE – SAMYAKSAMBUDDHA – VIDYĀ-CARAṆASAMPANA – SUGATA – LOKAVID\_ ANUTTARA – PURUṢADAMYA-SĀRATHI – ŚĀSTRA-DEVA-MANUṢYANĀM – BUDDHA – BHAGAVAM.

\_ Bảy giờ **Đạt Nhật Tôn Trụ Giảng Phục Tứ Ma Kim Cương Hý Tam Muội**, nói giảng phục 4 Ma, giải thoát 6 nẻo kia (lục đạo luân hồi) đầy đủ **Nhất Thiết Trí Trí**.

**Kim Cương Tự Cú Chân ngôn** là (Ấn phổ thông)

**185. Năng mạc Tam mãn đa một đà nam. A vĩ la Hồng khiếm.**

नमःसमन्तबुद्धानाम् अविहंसे

↳ NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM – A VIRĀ HŪM KHAM

\_ **Chân Ngôn Giả! Đản Tròn**

Trước đặt ở **Tự Thể**

Từ chân rồi đến rón

Thành **Đại Kim Cương Luân**

Từ đây cho đến Tim

Nên suy tư **Thủy Luân**

**Hỏa Luân** trên Thủy Luân

**Phong Luân** trên Hỏa Luân

\_ Tiếp nên niệm trì đát

Rồi tô mọi hình tượng

Rộng như **Thế Gian phẩm**

Người tu hành **Chân Ngôn**

Gom khắp **Tu Đa La** (Sūtra: Khế kinh)

\_ Khi ấy, Kim Cương Thủ nhảy vọt lên Địa **Thân Ngữ Ý** của **Đại Nhật**, bình đẳng quán sát các chúng sinh đời vị lai, nói **Đại Chân ngôn Vương**.

**Yết Ma Ân** được truyền miệng.

Chân ngôn là:

**186. Năng mặc tam mãn đa một đà nam (1) A tam ma ba-đa, đạt ma đà đồ  
(2) nga để-dựng nga đa nam (3) tát phộc tha (4) Âm, khiêm, ám, ác (5) tửm, sách  
(6) Hàm hạc (7) Lam lạc (8) Noan phộc (9) sa-phộc hạ (10\_ Tâm Chân Ngôn)  
Hồng, lam lạc, hạ-la hạc, sa-phộc hạ (11\_ Tâm Trung Tâm) Lam lạc, sa-phộc hạ  
(12)”**

**ॐ नमः समान्त बुद्धनामं अशमप्ता धर्म-  
धातु गति गतानाम सरवथां अं कामं अं सम सां-  
हमं हां राम राह वाम वाह स्वहां हुं राम राह ह्रा हां  
स्वहां राम राह स्वहां**

↳ **NAMAH SAMANTA-BUDDHĀNĀM ASAMAPTA DHARMA-  
DHĀTU GATI GATĀNĀM SARVATHĀ ĀM KĀMĀM ĀM AH SAM SAH-  
HAM HAḤ RAṀ RAḤ VAṀ VAḤ SVĀHĀ HŪM RAṀ RAḤ HRA HAḤ  
SVĀHĀ RAṀ RAḤ SVĀHĀ**

Vừa nói Chân Ngôn xong

Tất cả các Như Lai

Trụ ở mười phương Giới

Đều duỗi cánh tay phải

Xoa đỉnh khen: “Lành thay!

Phật Tử! Nay ông đã

Vượt lên trên Hạnh **Địa**

**Thân Ngữ Ý** Đại Nhật

Nói Chân Ngôn Vương này.

Vì sao vậy? Phật Tử!

Tỳ Lô Giá Na Phật

Ứng Chính Đăng Giác Giả

Vốn ngồi Toà Bồ Đề

Quán Pháp **mười hai câu**

Giáng phục nơi bốn Ma

Ở Pháp Giới này, sinh

Câu lưu xuất ba chón

Phá hoại quân **Thiên Ma**

Đạt được **Vô Biên Trí**

Tự Tại mà nói Pháp

Nay ông cũng như vậy

Đồng với Chính Biên Trí

Vì chúng Sở Tri Thức

Ông hỏi **Nhất Thiết Trí**

**Đại Nhật Chính Giác Tôn**

**Hạnh Chân ngôn Tối Thắng**

Sẽ diễn nói Pháp Giáo

Ta xưa kia do đây

Phát giác **Diệu Bồ Đề**

Mở bày tất cả Pháp

Khiến đến nơi diệt độ.

Hiện tại, mười phương Giới

Chư Phật đều chứng biết”

\_ Bây giờ, Kim Cương Thủ

Thỉnh hồi Đại Nhật Tôn  
“*Quyết định Thánh Thiên Vị*  
*Bí Mật Mật Trà La*  
*Nguyện xin Bà Nga Noan*  
*Vì con rộng diễn bày*”  
Nói **Già Đà** (Gāthā) đầy xong.

— Khi ấy, **Đại Nhật Thế Tôn** nhập vào Tam Muội **Đẳng Chí** (Samāpatti), quán sát các chúng sinh đời vị lai, rồi an trụ trong Định. Túc thời quốc thổ, đất bằng phẳng như lòng bàn tay, năm báu xen kẽ, treo lọng báu lớn trang nghiêm Môn Tiêu (cửa), rèm tua đủ màu hình tướng dài rộng, chuông báu, pháp trần màu trắng, áo đẹp (Danh y), phan, bội (đồ trang sức bằng ngọc), lụa màu rũ bày đua nhau tô điểm. Ở tám phương góc dựng cây phướng Ma Ni, nước 8 Công đức tràn đầy thơm tho. Vô lượng chúng chim, uyên ương, ngỗng, hộc tuôn ra âm thanh hòa nhã. Mọi loại ao tắm, cây đầy hoa mùa nở tươi tốt xen bày thơm tho nghiêm đẹp. 8 phương hợp ràng 5 Anh lạc báu. Mặt đất mịn màng giống như bông sợi, ai bước chạm đến đều nhận khoái lạc. Vô lượng nhạc khí tự nhiên hòa nhịp, âm thanh vi diệu, ai cũng thích nghe. Vô lượng Bồ Tát, tùy phước cảm nhận: Cung thất, điện đường, tòa ngòai theo ý sinh. Nguyện Lực Tín Giải của Như Lai đã sinh ra Tiêu Xí của Pháp Giới, hiện ra hoa sen vua to lớn trong đó có **Thân Pháp Giới Tính** của Như Lai an trụ. Tùy theo mỗi loại Tính Dục của các chúng sinh khiến cho được vui vẻ.

Thời tất cả Chi Phần của Như Lai ấy có sức mạnh không bị chướng ngại, được sinh ra từ mười **Trí Lực Tín Giải**. Vô lượng hình sắc với tướng trang nghiêm, là Thân được tăng trưởng từ Công Đức của các **Độ** (Pāramitā: Ba La Mật Đa): Bồ Thí, Trì Giới, Nhân Nhục, Tinh Tiến, Thiên Định, Trí Tuệ trong vô số trăm ngàn Câu Chi Na Do Tha kiếp, tức thời hiện ra. Xuất hiện xong rồi, ở trong Đại Chúng Hội của các Thế Giới phát ra âm thanh to lớn mà nói Kệ là:

“*Chư Phật rất Kỳ Đặc!*  
*Quyền Trí khó luận bàn*  
*Tuệ Vô A Lại Gia (Tuệ không có sự cất dấu)*  
*Hàm chứa nói các Pháp*  
*Nếu hiểu không chỗ được (Vô Sở Đắc)*  
*Pháp Tướng của các Pháp*  
*Không có đặc mà đặc*  
*Được chư Phật Đạo Sư ”*

Nói âm thanh như vậy xong, quay trở lại nhập vào **Thân Pháp Tính** không thể luận bàn của Như Lai.

Tức thời, Đức Thế Tôn bảo Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ rằng: “Này Thiện Nam Tử! Hãy lắng nghe về **Nội Tâm Mật Trà La** ... Đất của Thân ấy tức là Tự Tính của Pháp Giới, Chân ngôn, Mật Ấn Gia Trì mà gia trì Bản Tính Thanh Tịnh. Nơi hộ trì của Yết Ma Kim Cương, Tĩnh trừ tất cả **Trần Cấu** (bụi dơ) về: Ta, Người, chúng sinh, Thọ Giả, Ý Sinh, Nho Đồng (Thắng ngã), sự sai lầm tai hại về **Châu Ngột** (cho gốc cây là cái ghé).

Đàn vòng có 4 cửa thông đạt với 4 hướng, chung quanh có Giới Đạo (đường đi ranh giới), bên trong hiện **Ý Sinh Bát Diệp Hoa Vương** (hoa sen vua có 8 cánh do ý tưởng sinh ra), rút cuống nở nhụy với sắc vẻ đoan chính vi diệu. Chính giữa là Đức Như Lai (Đại Nhật Như Lai: Vairocana-tathāgata) có Thân đặc biệt rất tôn quý đối với tất cả Thế gian. Vượt qua Thân Ngữ Ý đến ở đất Tâm kịp được quả Thích Ý Thủ Thắng. Ở phương Đông là **Bảo Tràng Như Lai** (Ratnaketu-tathāgata), phương Nam là



**Khai Phu Hoa Vương Như Lai** (Sampuṣpītā-sālendra-rājāya -tathāgata), phương Tây là **Vô Lượng Thọ Như Lai** (Amitāyus-tathāgata), ở phương Bắc là **Thiên Cổ Như Lai** (Divya-duṇḍubhi-megha-nirghoṣa-tathāgata), phương Đông Nam là **Phổ Hiền Bồ Tát** (Samanta-bhadra-bodhisatva), phương Đông Bắc là **Quán Tự Tại Bồ Tát** (Avalokiteśvara Bodhisatva), phương Tây Nam là **Diệu Cát Tường Đồng Tử** (Mañjuśrī-kumāra), phương Tây Bắc là **Từ Thị Bồ Tát** (Maitreya-bodhisatva).

Trong tất cả nhụy là Phật Bồ Tát Mẫu, sáu Ba La Mật Tam Muội quyền thuộc mà tự trang nghiêm.

Bên dưới an bày các chúng phần nộ của Trì Minh.

Trì Kim Cương Thủ Bí Mật Chủ dùng làm cuống sen ngự ở trong biển lớn không cùng tận, có vô lượng số hàng **Địa Cư Thiên** vây chung quanh.

\_ Khi ấy, Hành Giả vì thành **Tam Muội Gia** (Samaya) cho nên dùng ý sinh ra hương, hoa, đèn sáng, hương xoa bôi, mọi loại thức ăn ngon...mà cúng dường. Liền nói **Già Đà** (Gāthā: Kệ tụng) là:

*“Chân Ngôn Giả! Thành thật  
Tô vẽ Mạn Trà La  
Tự thân thành **Đại Ngã**  
Chữ LA ( 𑖅 - RA) sạch các nhơ  
An trụ Du Già Tọa  
Tìm nhớ các Như Lai”*

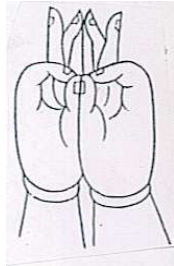
\_ Đỉnh, truyền các đệ tử  
Chữ A ( 𑖅 ) điểm Đại Không ( 𑖅 - AM)  
Bậc Trí truyền *Diệu Hoa*  
Khiến rải ở Thân mình  
Vì nói *Nội Sở Kiến* (thấy ở bên trong)  
Nơi Hành Nhân tôn phụng.  
Vì *Đàn Tối Thượng* này  
Ứng với **Tam Muội Gia** (Samaya)

\_ Tiếp bày Tám Bí Mật  
Trí Tuệ Tam Muội hợp (chắp hai tay lại)  
Duỗi bung Địa Phong Luân (ngón út và ngón trỏ)  
Như tỏa ngàn ánh lửa



Đây tên **Bảo Tràng Phật**  
**Bản Sinh Uy Đức Ấn**  
Mạn Trà La: Tam giác  
Đầy đủ ánh sáng lớn  
Đều trụ hình Bản Tôn  
Như Tôn được Tất Địa

\_ Tiếp nói **Khai Phu Hoa**  
**Kim Cương Bất Hoại Ấn**  
Dựa Uy Đức Ấn trước  
Co Phong (ngón trỏ) để trên Không (ngón cái)  
Ấn như hình chữ Phộc (𠄎 - VA)



Tương **Mạn Trà** (Mandala) như chữ  
Quanh có ánh Kim Cương.

\_ Tiếp nói **Vô Lượng Thọ**  
**Liên Hoa Tạng Đại Ấn**  
Ấn đầu, bung Hỏa (ngón giữa) Thủy (ngón vô danh)  
Địa (ngón út) hợp, Không (ngón cái) cũng vậy



Nguyệt Luân **Mạn Trà** La  
Hoa Ba đầu (Padma: hoa sen) vây quanh

\_ Tiếp nói **Cổ Âm Vương**  
**Vạn Đức Trang Nghiêm Ấn**  
Co hai Độ (2 ngón út) vào chưởng  
Còn lại như Hoa Tạng



Đàn áy như Bán Nguyệt (nửa vành trăng)  
Điểm Không vòng quanh khắp.

\_ Hỏa phương( Phương Đông Nam) **Chi Phần Ấn**  
Hai Vũ (2 bàn tay) hợp như sen  
Co hai Không (2 ngón cái) kèm dựng



### **Phổ Hiền Mạn Trà La**

Giống như **Ca La Xả** (Kalaśa)

Trắng đầy, Kim Cương vây

\_ Y Xá phương ( Phương Đông Bắc) Quán Âm

Dựa Chi Phần Ấn trước

Co Hỏa (ngón giữa) cài như trước



**Mạn Trà** (Maṇḍala) như cầu vòng

Rũ khắp phan Kim Cương.

\_ Niết Ly Đề Thân phương (Phương Tây Nam)

### **Pháp Trụ Diệu Cát Tường**

Liên Hợp (Liên Hoa Hợp Chương) duỗi Hỏa Luân (ngón giữa)

Địa (ngón út) Không (ngón cái) tự hợp nhau.



**Mạn Trà** (Maṇḍala) như Hư Không

Giữa thêm hai Điểm Không

Xen đủ màu vây quanh

\_ Phộc Dữu ( Phương Tây Bắc ) **A Dật Đa** (Ajita tức Di Lạc Bồ Tát)

Trí (tay phải) Định (tay trái) Kim Cương Chương

Liên trợ nhau dao động



Tân Tật Mạn Trà La  
Hình như Tướng Đại Không  
Điểm màu xanh, nghiêm khắp

\_ Chính Giác rất sâu kín  
Vượt quá đường ngôn ngữ  
Vi **Đại Suất Đố Ba** (Mahā-stūpa: cái tháp lớn)  
Câu *lưu xuất* bốn nơi (Tứ xứ lưu xuất cú)  
Chỉ Quán (2 bàn tay) sen chưa nở  
**A Vĩ La** (A VI RA: ngón út, ngón vô danh, ngón giữa) hợp ngón  
Hai **Khur** (𑀅𑀲 KHA: ngón cái ) y gốc **La** (𑀅𑀲 RA: ngón giữa )  
Hai **Ha** (HA\_ 𑀅𑀲: ngón trỏ) ngang ngay thẳng.



Khấp thân bày bốn Minh  
Ở ngay trên Thai Hoa

\_ Tức thời Thế Tôn  
Từ Tạng Thanh Tịnh  
**Tam Ma Bát Đê** (Samāpatti: Đẳng Chí, Chính Thọ)  
Ngữ biểu không tận  
Chính Giác **Tín Giải** (Adhimukti)  
Dùng một âm thanh  
Tứ xứ (bốn chỗ) tuôn ra  
Chân Ngôn bí mật  
Mỗi một Chân Ngôn ấy là:  
**185. Năng mặc Tam mãn đa một đà nam. Lam lạc, sa-phộc hạ.**  
(Quy mệnh đồng với **Khai Phu** bên trên) **Noan phộc, sa-phộc hạ**  
(Liên Hoa) **Tả Sách, sa-phộc hạ**  
(Cao Đức) **Hàm hạc, sa-phộc hạ**  
(Phổ Hiền) **Ám ác, sa-phộc hạ**  
(Thế Tôn) **Một đà đạt la ni, sa mật-lật đễ, mật la đà năng yết lý. Đà la đã**  
**tát noan. Bà nga phộc đễ, A ca la phộc đễ, tam ma duệ, sa-phộc hạ.**  
(Văn Thù) **A phệ ná, vĩ nê, sa-phộc hạ**  
(Di Lạc) **Ma ha dữu na, dữu nghi ninh, dữu nghệ truật-phộc lệ Khiêm nhạ**  
**lị kế, sa-phộc hạ**  
**Năng mặc Tát phộc đạt tha nghiệt đễ tỳ-dữu, vĩ thấp-phộc mục khế Tỳ-**  
**dược. Tát phộc tha A A Ám Ác. Sa-phộc hạ.**

↪ **Bản Uy Đức Sinh**

नमः समान्त बुद्धानाम् राम राह स्वहा  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ RAM RAḤ\_ SVĀHĀ

*Kim Cương Bất Hoại*

नमः समान्त बुद्धानाम् वाम वाह स्वहा  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ VAM VAḤ\_ SVĀHĀ

*Liên Hoa Tạng*

नमः समान्त बुद्धानाम् सम साह स्वहा  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ SAM SAḤ\_ SVĀHĀ

*Vạn Đức Trang Nghiêm*

नमः समान्त बुद्धानाम् हाम हाह स्वहा  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ HAM HAḤ\_ SVĀHĀ

*Nhất Thiết Chi Phần Sinh*

नमः समान्त बुद्धानाम् अम अह स्वहा  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ AM AḤ\_ SVĀHĀ

*Thế Tôn Đà La Ni*

नमः समान्त बुद्धानाम् बुद्धाय नमः बुद्धाय नमः बुद्धाय नमः  
नमः समान्त बुद्धानाम् बुद्धाय नमः बुद्धाय नमः बुद्धाय नमः  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ BUDDHA-DHĀRAṆI SMṚTI  
BALA DHĀNA KARI\_ DHĀRAYA SARVAṀ BHAGAVATI ĀKĀRA-VATI,  
SAMAYE\_ SVĀHĀ

*Như Lai Pháp Trụ*

नमः समान्त बुद्धानाम् अ वेदा वदे स्वहा  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ Ā VEDA VIDE\_ SVĀHĀ

*Tán Tật Trì Thế Tôn*

नमः समान्त बुद्धानाम् महायोगा योगिनी  
NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM\_ MAHĀ-YOGA YOGINI  
YOGĒSVARI\_ KHAṀ JARĪKE\_ SVĀHĀ

*Vô sở Bất Chí Chân ngôn*

नमः सर्वे तथगतेश्वर्य विश्वमुक्तेषु सर्वेषु तत्र तत्र  
NAMAḤ SARVA-TATHĀGATEBHYAḤ\_ VIŚVA-MUKHEBHYAḤ\_  
SARVATHĀ A Ā AM AḤ\_ SVĀHĀ

*Cầm châu* (tràng hạt) để trên Tim  
Còn như **Tô Tắt Địa** (Susiddhi)  
Mỗi mỗi các Chân Ngôn  
Tác *Tâm Y* niệm tụng  
*Thở ra* vào là hai  
Thường tương ứng bậc nhất  
Khác đây mà Thọ Trì  
Chân Ngôn thiếu *chi phần*  
Trong và ngoài tương ứng  
Ta nói có bốn loại  
Thế Gian Niệm Tụng ấy  
Có chỗ Duyên tương ứng  
Trụ chung tử, chữ, câu  
Hoặc Tâm tùy Bản Tôn  
Nên nói có **Phan Duyên** (Ālambana: Duyên bám níu)



\_ Kim Cương Thủ thỉnh hỏi:  
“Bồ Tát hành Chân Ngôn  
Tu hành bao nhiêu tháng  
**Cấm Giới** được kết thúc?”

\_ Bây giờ **Bà Nga Noan** (Đức Thế Tôn)  
“Lành thay! Cần Dũng Sĩ!  
Ông hỏi Giới Thù Thắng  
Phật xưa đã khai diễn  
Duyên **Minh** đã khởi **Giới**  
Trụ **Giới** như Chính Giác  
Khiến được thành **Tất Địa** (Siddhi)  
Vì lợi Thế Gian nên  
Đặng khởi tự chân thật  
Thường trụ ở **Đẳng Dẫn** (Samāhita)  
Tu hành **Giới** sẽ xong  
Tâm Bồ Đề, quả nghiệp  
Hòa hợp làm một tướng  
Mau lia các tạo làm  
Đủ **Giới** như **Phật Trí**  
Khác đây **phi Cấm Giới** (chẳng phải là Cấm Giới)  
Được các Pháp Tự Tại  
Thông đạt lợi chúng sinh  
Thường tu hạnh **Vô Trước** (không nhiễm dính)  
Nhóm Đá quý, mọi báu  
Cho đến mãi Lạc Xoa  
Đã nói Chân Ngôn Giáo  
Tất ở nhóm Thời, Tháng  
Lượng **Cấm Giới** kết thúc

\_ Tới sơ (thoạt đầu) ở **Kim Luân**  
Trụ **Đại Nhân Đà La**  
Thường quán nơi chữ A (𑖀)  
Nên kết **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudra)  
Uống sữa giúp nuôi Thân  
Hành Giả mãi một tháng  
Điều hòa hơi ra vào

\_ Tiếp ở tháng thứ hai  
Nghiêm chỉnh trong **Thủy Luân**  
Vành tròn thành chín tầng  
Màu ánh trắng đêm thu (chữ Phộc: 𑖔 - VA)  
Nên kết **Liên Hoa Ấn** (Padma-mudra)  
Rồi uống nước *Thuần Tịnh*

\_ Tiếp ở tháng thứ ba  
Quán **Hỏa Luân** thắng diệu

Tam giác, vòng lửa uy (chữ LA: 𑄠 - RA)

Ăn kết **Đại Tuệ Dao**

Ăn chẳng cầu vật thực

Đốt diệt tất cả tội

Mà sinh Thân, Ngữ, Ý

\_ Tháng thứ tư, **Phong Luân** (chữ HA: 𑄡 - HA)

Hành Giả thường nuốt gió

Kết **Chuyển Pháp Luân Ấn**

Nhiếp Tâm để trì tụng

\_ **Kim Cương Thủy Luân Quán** (chữ A: 𑄢, PHỘC : 𑄣)

Y trụ ở **Du Già** (Yoga)

Đây là tháng thứ năm

Mau lia được chẳng được

\_ Hành Giả *Vô Sở Trước* (không có nơi nhiễm dính)

Đẳng đồng **Tam Bồ Đề** (Sambodhi: Chính Giác)

Hòa hợp **Phong Thủy Luân** (chữ HA: 𑄡\_ PHỘC: 𑄣)

Vượt qua mọi lỗi lầm

Lại một tháng trì tụng

Đây gọi tháng thứ sáu

Cũng buông lợi, chẳng lợi

\_ Hàng Thích, Phạm, Thiên Chúng

Trụ xa mà kính lễ

Tất cả làm Thủ Hộ

Người, Trời, **Thần cỏ thuốc** (Dược Thảo Thần)

Trì Minh, các Linh Tiên

Theo hầu tùy Giáo Mệnh

La Sát, bảy Mẫu Thần

Tất cả loài gây chướng

Thấy ánh sáng nơi đây

Chạy tan như lửa mạnh

Cung kính mà lánh xa

Đẳng Chính Giác Chân Tử

Tất cả được Tự Tại

Điều phục kẻ khó phục (nan giáng giả)

Như **Đại Cháp Kim Cương**

Nhiều ích các Quân Sinh

Đẳng đồng **Quán Thế Âm**

\_ Sáu tháng đầy đủ xong

Tùy ước nguyện thành tựu

Thường nên ở *Tự Tha* (Ta, Người)

Xót thương mà cứu hộ

Trì niệm phân hạn xong

Nâng *châu* (tràng hạt) phát Đại Nguyện

Gia trì bày năm Cúng

Duyệt ý diệu Già Đà

Ba dâng (3 lần dâng) nước Át Già

Giải Giới, Pháp Giải Thoát

Rộng làm phương tiện đầu





Chữ **Hồng** ( 洪 - HŪM) tên phần nộ  
 Chữ **Khư** ( 洑 - KHA) đồng Hu Không  
 Ấy là điềm Cực Không  
 Biết *Tối Chân Thật* này  
 Gọi tên: A Xà Lê  
 Biết rõ điều Phật nói  
 Nên hành *Câu Bất Tử*  
 Tưởng niệm *chữ Bản Sơ* ( 夨 - A)  
 Điềm thuận trắng nghiêm sức ( 夨 - AM)  
**Tối thắng Bách Tâm Minh**  
 Các Pháp vốn chẳng sinh  
 Ở trong, chính quán sát  
 Hay phá *Cung Vô Minh*  
 Chính Giác, các Thế Tôn  
 Đã nói Pháp “NHƯ THỊ”  
 Phật Tử! Nhất Tâm nghe  
 An bày các Tụ môn  
 Chữ **Ca** ( 夨 - KA) ngay dưới hầu (cổ họng)  
 Chữ **Khư** ( 洑 - KHA) trên nóc họng (hàm ếch)  
 Chữ **Nga** ( 夨 - GA) dùng làm cổ  
 Chữ **Già** ( 夨 - GHA) ở trong hầu (cổ họng)  
 Chữ **Gia** ( 夨 - CA) làm gốc lưỡi  
 Chữ **Xa** ( 夨 - CHA) ngang trong lưỡi  
 Chữ **Nha** ( 夨 - JA) làm đầu lưỡi  
 Chữ **Xã** ( 夨 - JHA) nơi sinh lưỡi  
 Chữ **Tra** ( 夨 - TA) làm ống chân  
 Chữ **Tra** ( 夨 - THA) biết bấp đùi  
 Chữ **Noa** ( 夨 - DA) nói là eo  
 Chữ **Tra** ( 夨 - DHA) dùng an tọa (2 cái hông)  
 Chữ **Đa** ( 夨 - Ta) phần sau cuối (hậu môn)  
 Chữ **Tha** ( 夨 - Tha) biết cái bụng  
 Chữ **Ná** ( 夨 - DA) là hai tay (2 bàn tay)  
 Chữ **Đa** ( 夨 - DHA) làm hông sườn  
 Chữ **Ba** ( 夨 - PA) dùng làm lưng  
 Chữ **Phả** ( 夨 - PHA) biết lồng ngực  
 Chữ **Ma** ( 夨 - BA) làm hai chỏ (hai khuỷu tay)  
 Chữ **Bà** ( 夨 - BHA) dưới cánh tay  
 Chữ **Mãng** ( 夨 - MA) ngay trái tim  
 Chữ **Đã** ( 夨 - YA) tướng Âm tàng (phần hạ bộ)  
 Chữ **La** ( 夨 - RA) làm con mắt  
 Chữ **La** ( 夨 - LA) vàng trán rộng  
**Ai** ( 夨 - I) **Y** ( 夨 - Ī) hai vành mắt (I: vành mắt phải; Ī: vành mắt trái)  
**O** ( 夨 - U) **O** ( 夨 - Ū) hai vành môi (U: vành môi trên; Ū: vành môi dưới)  
**E** ( 夨 - E) **ÁI** ( 夨 - AI) làm hai tai (E: lỗ tai phải; AI: lỗ tai trái)  
**O** ( 夨 - O) **ÁO** ( 夨 - AU) hai gò má (O: gò má phải; AU: gò má trái)

Chữ **Ám** (𑖦 – AM) Câu Bò Đề  
Chữ **Ác** (𑖦- AH) **Bát Niết Bàn** (Parinirvāṇa)  
Biết tất cả Pháp đầy  
Hành Giả thành Chính Giác  
Tất cả Trí, của cải (Tư tài)  
Thường ở ngay trong đó  
Đời hiệu (xung là) **Nhất Thiết Trí**  
Đầy là **Tát Bà Nhã** (Sarva-jñā)

\_ Bấy giờ, **Tỳ Lô Giá Na Phật** bảo **Chấp Kim Cương Bí Mật Chủ** rằng: “Đại Đức Kim Cương Thủ! Pháp này là **Như Lai Bí Mật Ám**, Tôi thắng bí mật, chẳng nên truyền liền cho người, ngoại trừ người đã Quán Đỉnh, tột tính điều nhu, tinh tiến vững chắc, phát Nguyện Thù Thắng, cung kính Sư Trưởng, nhớ báo Ân Đức, trong ngoài thanh tịnh, buông xả thân mệnh mình để cầu Pháp.

Tướng biểu hiện của Đệ tử TA, Tại gia hay Xuất gia, chủng tính Thù thắng, tướng người ấy hoặc trắng xanh hoặc màu trắng, đầu rộng cô dài, trán rộng bằng chính, mũi râu thẳng thắn, khuôn mặt đầy đặn, tương xứng đoan nghiêm. Phật Tử như vậy cần phải ân cần mà truyền dạy cho. Nếu khác điều này thì phạm vào Tam Muội Gia”.

Ngoài ra như bản Giáo nói.

**“Nguyện khắp các Hữu Tình đồng sinh Liên Hoa Tạng”**

NHIẾP ĐẠI TỶ LÔ GIÁ NA THÀNH PHẬT THẦN BIẾN GIA TRÌ KINH  
NHẬP LIÊN HOA THAI TẠNG HẢI HỘI BI SINH MẠN TRÀ LA  
QUẢNG ĐẠI NGHIỆM TỤNG NGHI QUỸ  
\_ QUYỂN THỨ BA (Hết)\_

**Nhiếp Đại Nghi Quỹ**, một Bộ 3 quyển là do 3 Thầy **Từ Giác, Trí Chứng, Tông Duệ** thỉnh về. Xong bản ấy chẳng phải không có khác, mà nay đem ấn khắc. Ất bản của Từ Giác Đại sư triển chuyển truyền tả có sai lầm nhiều, nên dùng Bản Kinh và Quảng Đại Nghi Quỹ giáo định có chỗ nào chưa quyết thì đánh dấu ở trên để đợi các bậc Hậu Triết. Hoặc vì phòng ngừa bọn Mạn Pháp, có khi làm loạn thoát văn nên thỉnh ý Thầy mà điểm thị ở bên cạnh. Ấy là cầu cho Pháp Bảo được an trụ lâu dài vậy.

Nhằm niên hiệu Chính Đức, năm đầu, năm Tân Mão, mùa hạ.

Vũ Thành – chùa Linh Vân - Sa môn TUỆ QUANG ghi.

\_ Hiệu chỉnh một Bộ gồm 3 quyển xong vào ngày 28/11/2014